

**Phụ lục 01: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở VÀ HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

(Kèm theo Quyết định số 19 /2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bạc Liêu)

A. Hệ số điều chỉnh giá ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Phan Ngọc Hiển	Lê Văn Duyệt	Hà Huy Tập	1,39
		Hà Huy Tập	Trần Phú	1,30
		Trần Phú	Mai Thanh Thế	1,07
2	Trung tâm Thương mại Bạc Liêu	Gồm tất cả các tuyến đường phân lô nội bộ đã hoàn thành trong dự án		1,34
3	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	Trần Phú	1,07
4	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Trần Phú	Hà Huy Tập	1,33
		Hà Huy Tập	Lê Văn Duyệt	1,58
		Lê Văn Duyệt	Phan Đình Phùng	1,49
		Phan Đình Phùng	Lê Lợi	1,69
		Lê Lợi	Ngô Gia Tự	1,36
5	Hoàng Văn Thụ	Trần Phú	Ninh Bình	1,19
		Ninh Bình	Lê Lợi	1,07
		Lê Lợi	Ngô Gia Tự	1,08
6	Hà Huy Tập	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,21
		Hai Bà Trưng	Hòa Bình	1,07
7	Lê Văn Duyệt	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,10
		Hai Bà Trưng	Hòa Bình	1,07



STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
8	Điện Biên Phủ	Phòng CSGT đường thủy	Võ Thị Sáu	1,08
		Võ Thị Sáu	Trần Phú	1,05
		Trần Phú	Lê Hồng Nhi	1,25
		Lê Hồng Nhi	Lê Lợi	1,05
		Lê Lợi	Cuối đường (Hết ranh Chùa Vĩnh Triều Minh)	1,05
9	Mai Thanh Thê	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,36
10	Phan Đình Phùng	Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình	1,19
11	Lê Lợi	Điện Biên Phủ	Hòa Bình	1,36
		Hòa Bình	Ngô Quang Nhã (sau UBND tỉnh)	1,22
12	Võ Văn Kiệt (Hùng Vương cũ)	Ngã năm Vòng Xoay	Hẻm 4	1,42
		Hẻm 4	Tôn Đức Thắng	1,36
		Tôn Đức Thắng (Giao Thông cũ)	Trần Huỳnh	1,32
13	Thủ Khoa Huân	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,32
14	Minh Diệu	Điện Biên Phủ	Hoàng Văn Thụ	1,24
15	Đường Trương Chính Thanh (đường Ninh Bình cũ)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,24
16	Trần Văn Thời	Ngô Gia Tự	Lê Lợi	1,36
		Lê Lợi	Phan Đình Phùng	1,36
17	Lê Hồng Nhi (Đình Tiên Hoàng cũ)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,36
18	Ngô Gia Tự	Hoàng Văn Thụ	Bà Triệu	1,05
		Hoàng Diệu	Miếu Bà Đen	1,05
19	Đường 30/04	Lê Văn Duyệt	Võ Thị Sáu	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
20	Đường Thanh Niên	Hai Bà Trưng	Đường 30/04	1,05
21	Lý Thường Kiệt	Trần Phú	Phan Đình Phùng	1,11
22	Bà Triệu	Nguyễn Huệ	Trần Phú	1,05
		Trần Phú	Lê Văn Duyệt	1,36
		Lê Văn Duyệt	Ngô Gia Tự	1,36
23	Cách Mạng	Ngô Gia Tự	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	1,11
		Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Lộc Ninh (Đường Hoàng Diệu B cũ)	1,08
		Lộc Ninh (Đường Hoàng Diệu B cũ)	Cầu Xáng	1,36
		Cầu Xáng	Hẻm T32 (Đối diện Chùa Sùng Thiện Đường)	1,05
		Hẻm T32 (Đối diện Chùa Sùng Thiện Đường)	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,05
24	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Huệ	Sông Bạc Liêu	1,08
25	Đinh Bộ Lĩnh	Nguyễn Huệ	Sông Bạc Liêu	1,07
26	Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,36
		Hai Bà Trưng	Đoàn Thị Điểm	1,25
27	Đặng Thùy Trâm	Nguyễn Huệ	Võ Thị Sáu	1,07
28	Nguyễn Thị Năm	Bà Triệu	Đặng Thùy Trâm	1,09
29	Hòa Bình	Võ Thị Sáu	Hà Huy Tập	1,08
		Hà Huy Tập	Ngã ba Miếu Bà Đen	1,07
		Ngã ba Miếu Bà Đen	Lê Duẩn	1,25
30	Trần Phú	Điện Biên Phủ (Dạ Cầu Kim Sơn)	Hòa Bình	1,33
		Hòa Bình	Nguyễn Tất Thành	1,36

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	
		Điểm đầu	Điểm cuối		
		Nguyễn Tất Thành	Trần Huỳnh	1,31	
		Trần Huỳnh	Tôn Đức Thắng	1,05	
		Tôn Đức Thắng	Hẻm 1 (Ngân Hàng Eximbank)	1,05	
		Hẻm 1 (Ngân Hàng Eximbank)	Hết ranh Bến xe	1,05	
		Hết ranh Bến xe	Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	1,05	
		Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	Ngã năm Vòng xoay	1,05	
31	Đường vào Bến xe (hướng Bắc)	Trần Phú (Quốc Lộ 1 cũ)	Hết ranh Bến xe	1,05	
32	Đường vào Bến xe (hướng Nam)	Trần Phú (Quốc Lộ 1 cũ)	Hết ranh Bến xe	1,05	
33	Đường 23/8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Trần Phú (Trái: Cửa hàng TGDD; Phải: Hẻm số 02)	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,05	
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường trục chính khu công nghiệp	1,07	
		Đường trục chính khu công nghiệp	Hết ranh Công ty Công trình giao thông	1,05	
		Hết ranh Công ty Công trình giao thông	Cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	1,05	
34	Trà Kha - Trà Khứa				
		Phía Bắc đường 23/8	Đường 23/8 (Cầu Trà Kha cũ)	Cầu Ông Đục (Trà Khứa)	1,05
			Cầu Ông Đục (Trà Khứa)	Cầu đường tránh Quốc Lộ 1	1,05
			Cầu đường tránh Quốc Lộ 1	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,05
	Phía Nam đường 23/8	Đường 23/8 (Cầu Trà Kha cũ)	Cầu Treo Trà Kha (Bến đò cũ)	1,05	
35	Đường Quốc Lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Hết ranh trường Trắng Non	1,05	
		Hết ranh trường Trắng Non	Cách ranh Vĩnh Lợi 200 m	1,07	
36	Đường Tránh Quốc lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Đường Trà Uôl	1,36	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
		Đường Trà Uôl (Giáp ranh giữa Phường 7 và Phường 8)	Cầu Dàn Xây	1,07
37	Nguyễn Tất Thành	Hẻm đối diện Cổng sau Công viên Trần Huỳnh	Hết ranh dự án Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	1,07
		Hết ranh dự án Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	Trần Phú	1,05
		Trần Phú	Nguyễn Thái Học (Trường THPT Bạc Liêu)	1,07
38	Trần Huỳnh	Sông Bạc Liêu	Ngã tư Võ Thị Sáu	1,05
		Võ Thị Sáu	Nguyễn Đình Chiểu	1,08
		Nguyễn Đình Chiểu	Trần Phú	1,07
		Trần Phú	Lê Duẩn (Đường Giao Thông cũ)	1,36
		Lê Duẩn (Đường Giao Thông cũ)	Nguyễn Thái Học (Vào dự án Địa ốc)	1,07
		Nguyễn Thái Học (Vào dự án Địa ốc)	Tôn Đức Thắng (dự án Nam Sông Hậu)	1,07
		Tôn Đức Thắng (dự án Nam Sông Hậu)	Nguyễn Chí Thanh (Bờ kênh thủy lợi)	1,05
39	Bà Huyện Thanh Quan	Trần Huỳnh (Nhà ông Tư Liêm)	Đường 23/8 (Quốc Lộ 1 cũ)	1,23
40	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Huỳnh (Trước cổng CVTH)	Đường 23/8 (Quốc Lộ 1 cũ)	1,21
41	Võ Thị Sáu	Điện Biên Phủ	Trần Huỳnh	1,36
		Trần Huỳnh	Đường 23/8	1,32
42	Đường Trần Bình Trọng (Đường vào nhà máy Toàn Thắng 5 cũ)	Võ Thị Sáu	Sông Bạc Liêu	1,05
43	Đường Kênh Xáng (Hẻm Bờ sông Bạc Liêu)	Đoàn Thị Điểm	Đường vào Nhà máy Toàn Thắng 5 (Hẻm Nhà máy Toàn Thắng 5 cũ)	1,07
44	Hoàng Diệu	Ngô Gia Tự	Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	1,05
		Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	Cuối đường (Giáp ranh đường Cách Mạng)	1,36

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
45	Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	Cách Mạng	Hoàng Diệu	1,36
46	Lộc Ninh (chưa có tên, người dân gọi là đường Nguyễn Thái Học)	Trần Huỳnh	Đường Cách Mạng	1,36
47	Tôn Đức Thắng	Trần Phú	Lê Duẩn (Ngã ba Nhà máy điện)	1,36
		Lê Duẩn (Ngã ba Nhà máy điện)	Cầu Tôn Đức Thắng	1,07
		Cầu Tôn Đức Thắng	Liên tỉnh lộ 38	1,05
48	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Tôn Đức Thắng (Nhà máy điện)	Cách Mạng	1,05
		Cách Mạng	Hoàng Diệu	1,36
49	Cao Văn Lầu	Đống Đa (Dạ cầu Kim Sơn)	Thống Nhất	1,36
		Thống Nhất	Nguyễn Thị Minh Khai	1,23
		Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	1,36
		Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	Miếu Thần Hoàng	1,36
		Miếu Thần Hoàng	Trụ sở Bộ đội biên phòng tỉnh	1,36
		Trụ sở Bộ đội biên phòng tỉnh	Đường vào Tiểu đoàn 1	1,05
		Đường vào Tiểu đoàn 1	Kênh Trường Sơn	1,05
50	Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ)	Kênh Trường Sơn	Đường Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,05
51	Nguyễn Thị Minh Khai			
	Khu vực phường 2, phường 5	Kênh 30/04	Phùng Ngọc Liêm	1,36
		Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Du	1,36
		Nguyễn Du	Lý Văn Lâm	1,36
52	Đường Cầu Kè phường 2	Kênh 30/04	Trường Tiểu học phường 2A (cuối đường Ngô Quyền)	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
		Trường Tiểu học phường 2A (cuối đường Ngô Quyền)	Đường kênh số 04	1,05
53	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Liên tỉnh lộ 38 cũ) (Khu vực phường 5)	Cầu thứ 3	Đường Lò Rèn	2,05
		Đường Lò Rèn	Tôn Đức Thắng	1,07
		Tôn Đức Thắng	Cầu Rạch Cần Thăng (Nam Sông Hậu)	1,05
54	Khu vực xã Vĩnh Trạch	Cầu Rạch Cần Thăng	Đầu đường đi Xiêm Cánh	1,05
		Đầu đường đi Xiêm Cánh	Giáp ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng	1,05
55	Đổng Đa	Kênh 30/04	Lý Văn Lâm	1,36
56	Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,36
57	Thống Nhất	Nguyễn Thị Cẩm	Lý Văn Lâm	1,36
58	Hồ Thị Kỳ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,36
59	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,36
60	Lý Văn Lâm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,36
61	Lê Thị Hồng Gấm	Rạch Ông Bồn	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	1,05
62	Lê Thị Hồng Gấm nối dài	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	Cuối đường	1,05
63	Đường hai bên rạch Ông Bồn	Cầu số 3 (tỉnh lộ 38)	Cống Rạch Ông Bồn	1,05
		Cống Rạch Ông Bồn	Đến hết tuyến	1,05
64	Phan Văn Trị	Cao Văn Lầu	Lê Thị Cẩm Lệ	1,07
65	Tô Hiến Thành	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên gọi cũ là đường Đổng Đa)	1,36
66	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên gọi cũ là đường Đổng Đa)	1,36
67	Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,36

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
68	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Văn Trị	1,36
		Phan Văn Trị	Thống Nhất	1,36
69	Nguyễn Thị Cẩm (Đường số 1 cũ (Khu Tu Muối cũ))	Nguyễn Thị Minh Khai	Đống Đa	2,05
70	Nguyễn Văn A	Nguyễn Thị Minh Khai	Đống Đa	2,05
71	Lê Thị Cẩm Lệ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đống Đa	2,05
72	Trường Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	Hết ranh Trường Bán	2,05
		Hết ranh Trường Bán	Giáp ranh huyện Hòa Bình	1,05
73	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	Bạch Đằng	2,05
		Bạch Đằng	Giáp ranh xã Hiệp Thành	1,05
		Ranh xã Hiệp Thành	Ranh Sóc Trăng	1,05
74	Lộ Chòm Xoài	Giáp ranh Hoà Bình (NT Đông Hải cũ)	Cống số 2	1,05
		Cống số 2	Kênh 30/4	1,05
75	Đường Giồng nhần	Kênh 30/4	Miếu Cá Ông (Chùa Cá Ông)	1,05
		Miếu Cá Ông (Chùa Cá Ông)	Trại điều dưỡng Tỉnh ủy	1,05
		Trại điều dưỡng Tỉnh ủy	Ranh xã Hiệp Thành	1,05
		Ranh xã Hiệp Thành	Qua ngã tư trung tâm xã 200m	1,05
		Qua ngã tư trung tâm xã 200m	Ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng	1,05
76	Bờ bao Kênh xáng (Phía đông)	Cầu Xáng (Đường Cách Mạng)	Vào Cống Thủy Lợi	1,05
77	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - phường 2)	Kênh Bộ Đội	1,05
		Kênh Bộ Đội	Đường Cầu Kè	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
		Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - phường 2)	Kênh Trường Sơn (Cầu Thành Đội)	1,05
78	Đường Nội bộ số 01	Đường Bạch Đằng	Kênh 30/4	1,05
79	Đường Kênh xáng (bờ sông BL - CM)	Kênh Giồng Me	Cầu treo Trà Kha	1,05
		Cầu treo Trà Kha	Giáp ranh Vĩnh Lợi	1,05
80	Hẻm bờ sông Bạc Liêu - Cà Mau	Đoàn Thị Điểm (phường 3)	Hẻm chùa Tịnh Độ	1,05
81	Đường Cầu Sập - Ngan Dừa	Cầu Sập (phường 8)	Cổng Cầu Sập (phường 8)	1,05
82	Đường Trà Vãn	Đầu lộ ngã 5 Vòng xoay	30 m đầu	1,05
			60 m tiếp theo	1,05
			300 m tiếp theo	1,05
			Đoạn còn lại	1,05
83	Đường Lò Rèn	Lộ Giồng nhãn	Giáp ranh Phường 5	1,05
		Giáp ranh phường 5	Đập Lớn	1,05
		Đập Lớn	Liên Tinh lộ 38	1,05
84	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - phường 2)	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Giáp ranh Hòa Bình	1,05
85	Đường Trà Kha B (Phường 8)	Cầu Treo Trà Kha	Miếu Ông Bồn	1,05
		Miếu Ông Bồn	Chùa Khánh Long An	1,05
86	Đường ra chùa Xiêm Cáng	Liên Tinh Lộ 38	Chùa Xiêm Cáng	1,05
87	Đường VT2	Cầu Vĩnh An	Cầu Ông Ghịch	1,05
		Cầu Ông Ghịch	Giáp ranh VTĐ	1,05
		Giáp ranh VTĐ	Cách đường Giồng Nhãn 200 m	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
		Cách đường Giồng Nhãn 200m	Đường Giồng Nhãn	1,05
88	Đường VT2 (đoạn Tinh lộ 38)	Cầu Vĩnh An (Liên Tinh lộ 38)	Sông Bạc Liêu	1,05
89	Đường VTĐ2	Kênh rạch Cản Thăng (Giáp ranh xã Hiệp Thành)	Đường đi từ Liên Tinh lộ 38 đi chùa Xiêm Cáng	1,05
90	Đường nhánh song song kênh Rạch Thăng (phường 5)	Cầu Rạch Thăng	Kênh Ông Nô	1,05
		Kênh Ông Nô	Giáp ranh xã Hiệp Thành	1,05
		Cầu Rạch Thăng	Sông Bạc Liêu	1,05
91	Đường nhánh song song kênh Rạch Thăng (xã Vĩnh Trạch)	Cầu Rạch Thăng	Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông	1,05
		Cầu Rạch Thăng	Sông Bạc Liêu	1,05
92	Đường dẫn lên cầu Vĩnh An	Tinh lộ 38	Kênh Vĩnh An	1,05
93	Đường Công Điền - Bờ Xáng	Tinh lộ 38	Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	1,05
		Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	Cống Bờ Xáng	1,05
94	Hẻm chùa Tam Sơn	Cầu rạch Cản Thăng	Sông Bạc Liêu	1,05
95	Đường Trà Uôl	Đường vào trạm Vật lý Địa cầu (Đường số 11 dự án Bến xe)	Ranh phường 8	1,05
		Đầu đường Trà Uôl	Giáp ranh Thị trấn Châu Hưng - Vĩnh Lợi	1,05
96	Các đoạn hẻm bờ sông Bạc Liêu - Cà Mau	Trần Huỳnh (Giáp phường 3)	Cầu treo Trà Kha	1,05
		Cầu treo Trà Kha	Cầu Dàn Xây	1,05
97	Chùa Khomer	Cầu chùa Khomer	Giáp ranh phường 7	1,05
	Đường Tân Tạo			
98	Phía Bắc đường tránh thành phố	Cách đường tránh thành phố 30 m	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,05
99	Đường Dàn Xây (Trà Kha B)	Vàm Dàn Xây	Giáp ranh phường 2	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
100	Tuyến lộ Nhà Kho	Đường Cao Văn Lầu	Đường Đê Lò Rèn	1,05
		Đường Đê Lò Rèn	Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông	1,05
101	Tuyến lộ Du lịch sinh thái	Đường Giồng Nhãn	Đường VT2	1,05
102	Đường cầu Thảo Lạng ra sông Bạc Liêu	Từ cầu Thảo Lạng (Liên Tinh lộ 38)	Đến sông Bạc Liêu	1,05
103	Đường đi Xóm Làng An Trạch Đông	Từ Liên Tinh lộ 38	Đến cầu xóm làng An Trạch Đông	1,05
104	Đường đi ấp Thảo Lạng và Bờ Xáng	Từ Liên Tinh lộ 38	Trường tiểu học Vĩnh Trạch	1,05
		Trường Tiểu học Vĩnh Trạch	Sông Bạc Liêu	1,05
105	Đường đi chùa Kim Cầu	Từ Liên tinh Lộ 38	Chùa Kim Cầu	1,05
106	Đường đi ấp Công Điền và An Trạch Đông	Từ cầu Tư Cái	Đến Lộ An Trạch Đông (Lộ Xóm Làng)	1,05
107	Lộ Giồng Nhãn (Giáp ranh Sóc Trăng)	Đường Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,05
108	Đường Giồng Me	Kênh 30/04	Vào 500m	1,05
		Đoạn còn lại	Giáp ranh xã Vĩnh Hậu A huyện Hòa Bình	1,05
109	Đường Võ Thị Chính (Đường Bà Chủ cũ)	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh xá Ngọc Liên	1,05
110	Lộ Trà Khứa	Cầu Đúc	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,05
111	Đường kênh số 4	Đường Giồng Me	Đường Đặng Văn Tiểu (Sáu Huấn)	1,05
112	Đường Tập Đoàn 1 (Tạm gọi)	Kênh số 4	Lộ Bờ Tây	1,05
113	Đường Bộ Đội (Tạm gọi)	Kênh số 4	Lộ Bờ Tây	1,05
114	Đường Hứa Hòa Hưng (Ba Hưng) (Đường vào sân chim cũ)	Đường Cao Văn Lầu	Khu du lịch sinh thái Vườn Chim	1,05
115	Đường Tạ Thị Hai	Lộ Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,05
116	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía bắc Kênh Hở cũ)	Kênh 30/4	Cao Văn Lầu	1,05

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Điểm đầu	Điểm cuối	
117	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía nam Kênh Hở cũ)	Đường Ninh Bình	Cao Văn Lầu	1,05
118	Đường dọc theo Kênh Hở (phường 5) Hướng Bắc kênh	Cao Văn Lầu	Hết đường nhựa	1,05
119	Đường Xóm Lá (tạm gọi)	Giáp ranh phường 8	Đường Giồng Me	1,05
120	Đường cầu Trảng An (nối dài) phường 2	Đường Ngô Quyền	Kênh 30/4	1,05
121	Đường kênh xương cá, phường 2	Đường Giồng Me	Đường Xóm Lá	1,05
122	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Tôn Đức Thắng	1,05
123	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 1	Đường Cách Mạng	Sông Bạc Liêu	1,05

B. Hệ số điều chỉnh giá đất ở các dự án khu dân cư thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

STT	Tên đường	Chi giới xây dựng (m)	Hệ số điều chỉnh
I	DỰ ÁN BẮC TRẦN HUỖNH		
1	Đường Nguyễn Công Tộc (trước Chợ Phường 1, đoạn: Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	26,5	1,36
2	Đường Nguyễn Thái Học (đoạn: Trần Huỳnh đến Khu Đô thị mới)	26,5	1,64
3	Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Lê Duẩn - Hết ranh Chợ)	19,0	1,25
4	Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Hết ranh Chợ - Nguyễn Thái Học)	19,0	1,19
5	Đường Trần Văn Tấn	17,0	1,19
6	Đường Nguyễn Thị Mười	17,0	1,19
7	Đường Dương Thị Sáu	17,0	1,19
8	Đường Lê Thị Hương	17,0	1,19
9	Đường Trương Văn An	10,0	1,19
10	Đường Trần Hồng Dân	13,0	1,19
11	Đường Nguyễn Văn Ưông (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	15,0	2,72
12	Đường Nguyễn Văn Ưông (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)		2,15
13	Đường Ninh Thạnh Lợi (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)	10,0	2,72
14	Đường Ninh Thạnh Lợi (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)		2,10
15	Đường Huỳnh Văn Xã	10,0	1,19
II	DỰ ÁN KHU NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN		
1	Đường Nguyễn Công Tộc (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)	26,5	1,42
2	Đường Châu Văn Đặng (Lê Duẩn - Trương Văn An)	19,0	1,25
3	Đường Nguyễn Văn Ưông (nối dài) (số 4 cũ)	15,0	1,13
4	Đường Hồ Minh Luông (nối dài) (số 2 cũ)	13,0	1,19

STT	Tên đường	Chi giới xây dựng (m)	Hệ số điều chỉnh
5	Đường Trương Văn An (nối dài) (số 3 cũ)	13,0	1,19
6	Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) (số 5 cũ)	17,0	1,19
7	Đường Đinh Thị Tùng (số 7 cũ)	13,0	1,19
8	Đường Phan Thị Phép (số 9 cũ)	10,0	1,19
9	Đường Lê Thị Thành (số 10 cũ)	10,0	1,19
10	Đường Lư Hòa Nghĩa (số 08 cũ)	10,0	1,19
III	DỰ ÁN KHU CƠ ĐIỆN CŨ (PHƯỜNG 1)		
1	Đường Nguyễn Thị Thù	15,0	1,47
2	Đường Tô Minh Luyện	15,0	1,47
3	Đường Trần Văn Hộ	15,0	1,47
4	Đường Hoà Bình nối dài	15,0	1,19
IV	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM KHU HÀNH CHÍNH		
1	Đường Ngô Quang Nhã (đường sau trụ sở UBND tỉnh)	17,0	1,36
2	Đường Huỳnh Quảng	15,0	1,53
3	Đường Quách Thị Kiều	10,0	2,10
4	Đường Lương Định Của	10,0	1,19
5	Đường Trần Thị Khéo	10,0	2,10
6	Đường Lâm Thành Mậu	15,0	2,10
7	Đường Nguyễn Bình Khiêm	15,0	2,10
8	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong dự án		1,42
V	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2		
1	Đường Ninh Bình (Trung tâm Phường 2)	24,0	1,36